

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày: 22/6/2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Văn Thái.

Ông Bùi Văn Thắng

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-DS ngày 10/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐST-DS ngày 31/5/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông **Dương Văn L**, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

\* Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn L: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1950, địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1950. (có mặt)

3. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1959. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà **Nguyễn Thị Út N**, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: số 575, ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Danh T**. (vắng mặt)

2. Bà **Trần Thị N**. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Ngô Văn P**, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn P: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1959, địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông **Đỗ Thanh C**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 575, ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

\* Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thanh C: Bà **Nguyễn Thị Út N**, sinh năm 1975, địa chỉ: số 575, ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Vào năm 2018 bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Trần Thị N và ông Danh T làm chủ hụi, cụ thể: bà tham gia đây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 12/8/2018 âm lịch, một tháng khai 01 lần, có 21 phần, bà tham gia 01 phần, hụi khai đến ngày 12/5/2020 âm lịch thì mãn. Trong quá trình tham gia chơi hụi, bà đã đóng cho phía ông T và bà N được 11 lần với tổng số tiền là 32.540.000 đồng. Đến lần khai thứ 12 thì phía ông T và bà N ngưng không khai tiếp. Mặc dù ngưng khai hụi nhưng phía ông T và bà N vẫn tiếp tục đi gom chết của các hụi viên khác. Do phía ông T và bà N tự ý không khai tiếp là lỗi của ông T và bà N nên bà khởi kiện yêu cầu phía ông T và bà N trả lại cho bà 11 lần đóng hụi bằng với chân hụi sống tổng cộng là 55.000.000 đồng. Khi tham gia chơi hụi thì bà là người trực tiếp tham gia nhưng danh sách hụi viên để tên chồng bà là ông là “6 P”, và tiền tham gia chơi hụi là của vợ chồng bà. Tại Công an thị xã N vợ chồng ông T và bà N thừa nhận còn nợ vợ chồng bà số tiền là 35.000.000 đồng thì bà cũng đồng ý nhưng với điều kiện yêu cầu ông T và bà N trả cho vợ chồng bà một lần.

Nay bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh T và bà Trần Thị N trả cho vợ chồng bà số tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 35.000.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

**\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N trình bày:**

Vào năm 2018 bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Trần Thị N và ông Danh T làm chủ, bà tham gia 02 dây hụi, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 30/6/2018 âm lịch, một tháng khai 01 lần, có 22 phần, bà tham gia 01 phần, hụi khai đến ngày 30/4/2020 âm lịch thì mãn, bà đóng được tổng cộng 13 lần với tổng số tiền là 15.100.000 đồng. Đến lần khai thứ 14 thì phía bà N và ông T tự ý ngưng không khai nữa. Do ông T và bà N tự ý ngưng khai nên bà yêu cầu phía ông T và bà N phải trả lại bằng số tiền của chân hụi sống tổng cộng 13 lần với tổng số tiền là 26.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 12/8/2018 âm lịch, một tháng khai 01 lần, có 21 phần, bà tham gia 01 phần, hụi khai đến ngày 12/5/2020 âm lịch thì mãn. Trong quá trình tham gia bà đã đóng cho phía ông T và bà N được 11 lần với tổng số tiền là 32.540.000 đồng. Đến lần khai thứ 12 thì phía ông T và bà N ngưng không khai tiếp. Tuy nhiên, phía ông T và bà N vẫn tiếp tục đi gom chết của các hụi viên khác. Do phía ông T và bà N tự ý không khai tiếp nên bà yêu cầu phía ông T và bà N trả cho bà số tiền của 11 lần đóng bằng số tiền của chân hụi sống tổng cộng là 55.000.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi bà yêu cầu bà yêu cầu phía ông T và bà N trả với tổng số tiền là 81.000.000 đồng. Khi tham gia chơi hụi thì bà là người trực tiếp tham gia nhưng danh sách hụi viên để tên chồng bà là ông là “5 C”, tiền tham gia chơi hụi là của vợ chồng bà. Tại Công an thị xã N vợ chồng ông T và bà N thừa nhận còn nợ vợ chồng bà số tiền là 50.000.000 đồng thì bà cũng đồng ý nhưng với điều kiện yêu cầu ông T và bà N trả cho vợ chồng bà một lần.

Nay bà Nguyễn Thị Út N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh T và bà Trần Thị N trả cho vợ chồng bà số tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 50.000.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

**\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:**

Vào năm 2016 và năm 2018 vợ chồng bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Trần Thị N và ông Danh T làm chủ hụi, tham gia hai dây, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 27/6/2016 âm lịch, một tháng khai 01 lần, có 45 phần, vợ chồng bà tham gia 01 phần, vợ chồng bà đóng được tổng cộng 38 với tổng số tiền là 41.440.000 đồng. Đến lần khai thứ 39 thì vợ chồng ông T và bà N tự ý ngưng nên bà yêu cầu ông T và bà N trả cho vợ chồng bà số tiền theo chân hụi sống tổng cộng là  $38 \times 2.000.000 \text{ đồng} = 76.000.000 \text{ đồng}$ .

Dây hụi thứ hai: hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 12/8/2018 âm lịch, một tháng khai 01 lần, có 21 phần, vợ chồng bà tham gia 01 phần. Vợ chồng bà đóng được tổng 11 lần với tổng số tiền là 30.400.000 đồng. Đến lần khai thứ 12 thì phía ông T và bà N ngưng không khai tiếp. Tuy nhiên, phía ông T và bà N vẫn tiếp tục đi gom chết của các

hội viên khác. Do phía ông T và bà N tự ý không khai tiếp là lỗi của ông T và bà N. Do đó, bà yêu cầu phía ông T và bà N phải chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền như chân hội sống là 5.000.000 đồng tổng cộng 11 lần là 55.000.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hội bà yêu cầu bà yêu cầu phía ông T và bà N trả với tổng số tiền là 131.000.000 đồng. Tại Công an thị xã N vợ chồng ông T và bà N chỉ thừa nhận còn nợ vợ chồng bà số tiền là 50.000.000 đồng là không chính xác. Do, đối với dây hội 5.000.000 đồng thì ông T và bà N thừa nhận còn nợ bà số tiền là 30.400.000 đồng. Đối với dây hội 2.000.000 đồng thì bà đã đóng đến lần thứ 38 lần với tổng số tiền là 41.440.000 đồng nên việc vợ chồng ông T và bà N chỉ thừa nhận còn thiếu bà số tiền 50.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Nay bà Võ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T và bà N trả lại cho vợ chồng bà số tiền hội thực đóng của hai dây hội là 71.840.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

**\* Bị đơn bà Trần Thị N và ông Danh T:** Vắng mặt Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bà Trần Thị N và ông Danh T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

#### **Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc các bị đơn bà Trần Thị N và ông Danh T trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Út N số tiền hội còn thiếu 50.000.000 đồng; trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M số tiền hội còn thiếu 35.000.000 đồng; trả cho vợ chồng bà Võ Thị T, ông Dương Văn L số tiền hội còn thiếu là 71.840.000 đồng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ hội còn thiếu nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”. Đồng thời các bị đơn có địa chỉ cư trú tại Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc

Trăng theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Tại phiên tòa các nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền hội thực đóng mà không yêu cầu tính lãi hội. Xét thấy, việc các nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền hội còn thiếu. Xét thấy, trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án phía các bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, trước khi khởi kiện các nguyên đơn có làm đơn khiếu nại yêu cầu Công an thị xã N giải quyết buộc các bị đơn trả số tiền hội còn thiếu. Theo các biên bản lấy lời khai của các bị đơn tại Công an thị xã N đều trình bày: Các bị đơn có làm chủ các dây hội, các dây hội đều ngưng không khai nữa và hiện còn thiếu nợ lại các hội viên, trong đó có vợ chồng các nguyên đơn. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự và Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định “Về họ, hội, biểu, phurong”

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền hội còn thiếu 35.000.000 đồng. Xét thấy, tại các biên bản ghi lời khai của các bị đơn tại Công an thị xã N các bị đơn đều thừa nhận hiện còn nợ bà Nguyễn Thị M cụ thể là ông Ngô Thanh Pg chồng bà M số tiền là 35.000.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N về việc yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền hội còn thiếu tổng cộng 02 dây là 50.000.000 đồng. Xét thấy, tại các biên bản ghi lời khai của các bị đơn tại Công an thị xã N các bị đơn đều thừa nhận hiện còn nợ bà Nguyễn Thị Út N cụ thể là ông Đỗ Thanh C chồng bà Nhỏ số tiền là 50.000.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N là có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Dương Văn L về việc yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền hội còn thiếu tổng cộng 02 dây là 71.840.000.000 đồng. Theo các biên bản ghi lời khai của các bị đơn tại Công an thị xã N các bị đơn đều thừa nhận hiện chỉ còn nợ vợ chồng bà Võ Thị T và ông Dương Văn L số tiền 50.000.000 đồng. Xét thấy, đối với dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 12/8/2018 các bị đơn cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và Nguyên Thị Út N mỗi người là 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với dây hội này nguyên đơn bà Võ Thị T chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền là 30.400.000 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận. Đối với dây hội

2.000.000 đồng khai ngày 27/6/2016 có tổng cộng là 45 phần nguyên đơn tham gia 01 phần. Tính đến khi các bị đơn ngưng khai hội thì số lần hội được khai là 38 lần theo nguyên đơn đóng được với tổng số tiền là 41.400.000 đồng. Bình quân mỗi lần khai các hội viên còn sống đóng lại số tiền 1.010.000 đồng. Ngoài ra, đối với yêu cầu của nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lại số tiền thực đóng mà không yêu cầu tính lãi là có lợi cho các bị đơn. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị T và ông Dương Văn L là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.**

- Buộc các bị đơn bà Trần Thị N và ông Danh T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và ông Ngô Văn P tổng số tiền hội còn thiếu là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

- Buộc các bị đơn bà Trần Thị N và ông Danh T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N và ông Đỗ Thanh C tổng số tiền hội còn thiếu là 50.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

- Buộc các bị đơn bà Trần Thị N và ông Danh T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Võ Thị T, ông Dương Văn L tổng số tiền hội còn thiếu là 71.840.000 đồng (bảy mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi

hành án.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bị đơn bà Trần Thị N và ông Danh T phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.842.000 đồng (*bảy triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

- Các nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.025.000 đồng (*hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001024 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**3. Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Phước Toàn**